

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI NĂM 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600259916, cấp lần 1 ngày 30/12/2005, cấp lại lần thứ 15 ngày 08/01/2021 tại Sở Kế hoạch – Đầu tư Đồng Nai;
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: số 200, Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 02513.899860
- Số fax: 02513.899750
- Website: dgtc.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): DGT
- Các sự kiện khác: Không có

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: khai thác đá, sỏi, đất sét | 0810 |
| 2 | Khai thác và thu gom than bùn | 0892 |
| 3 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 4 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 |
| 5 | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu | 0899 |
| 6 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 7 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất | 6820 |
| 8 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 9 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ | 4210 |
| 10 | Xây dựng công trình công ích | 4220 |
| 11 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 12 | Phá dỡ | 4311 |
| 13 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 14 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | 4329 |
| 15 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 16 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 17 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 18 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |
| 19 | Kho bãi và lưu trữ hàng hóa | 5210 |

| | | |
|----|---|------|
| 20 | Bốc xếp hàng hoá | 5224 |
| 21 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 22 | Cơ sở lưu trú khác | 5590 |
| 23 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 24 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621 |
| 25 | Dịch vụ ăn uống khác | 5629 |
| 26 | Dịch vụ phục vụ đồ uống | 5630 |
| 27 | Hoạt động chiếu phim | 5914 |
| 28 | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). | 6499 |
| 29 | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |
| 30 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. | 7110 |
| 31 | Xây dựng nhà không để ở. | 4102 |
| 32 | Xây dựng công trình điện. | 4221 |
| 33 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước. | 4222 |
| 34 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc. | 4223 |
| 35 | Xây dựng công trình công ích khác. | 4229 |
| 36 | Xây dựng công trình thủy. | 4291 |
| 37 | Xây dựng công trình khai khoáng. | 4292 |
| 38 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. | 4511 |
| 39 | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). | 4512 |
| 40 | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. | 4513 |
| 41 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. | 4520 |
| 42 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. | 4530 |

Địa bàn kinh doanh: tại tỉnh Đồng Nai và một số tỉnh lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Tổng Giám đốc

- Các công ty con, công ty liên kết: 02 Công ty con trực thuộc là:

Công ty TNHH MTV Sản xuất và kinh doanh Vật liệu Xây dựng DGT

Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển KCN DGT

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Đảm bảo mức sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, xe máy, thiết bị hiện có của công ty.

+ Đảm bảo mức lợi nhuận hàng năm của Công ty từ 5% trở lên và mức chia cổ tức hàng năm từ 10-15%.

+ Đẩy mạnh đầu tư các dự án đặc biệt là các dự án gần hoàn tất thủ tục pháp lý và đầu tư xây dựng cơ bản để nhanh chóng tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

+ Nghiên cứu, tìm kiếm phát triển các dự án mới tạo ra nguồn doanh thu ổn định trong

tương lai.

- + Tăng dần tỷ trọng doanh thu của các dự án trên tổng doanh thu của toàn Công ty.
- + Giảm dần tỷ lệ vốn vay bổ sung vốn lưu động trên doanh thu trong thi công xây dựng cơ bản từ nguồn thu từ các dự án mang lại.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Chiến lược trung hạn:

+ Củng cố, sắp xếp lại bộ máy quản lý và các tổ, nhóm, đội thi công ... cho phù hợp với tình hình đổi mới.

+ Chấn chỉnh công tác quản trị nhân sự, quản trị văn phòng.

+ Chủ động liên hệ làm việc với các cơ quan, ban ngành địa phương tiếp cận nguồn công việc hiện khá dồi dào tại địa phương.

+ Mở rộng sang lĩnh vực thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

+ Đẩy mạnh tìm kiếm các công trình mới để đảm bảo sản lượng và doanh thu cho những năm tiếp theo;

+ Đẩy mạnh hoàn tất các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư Xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai để tạo ra sản phẩm mang về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, cụ thể các dự án đang triển khai như sau: Mỏ đá Tân Cang 4, Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng...

Chiến lược dài hạn:

+ Từng bước củng cố và phát triển ổn định, bền vững ngành nghề truyền thống thi công xây lắp công trình và khai thác vật liệu xây dựng...

+ Tìm kiếm, nghiên cứu phát triển các dự án mới tạo nguồn thu ổn định lâu dài cho Công ty, đầu tư khu công nghiệp, đầu tư các dự án khoáng sản...

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong lĩnh vực thi công xây dựng cơ bản và các dự án.

+ Thi công các công trình đảm bảo tiến độ và chất lượng góp phần vào sự phát triển cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật tại các địa phương Công ty thực hiện thi công xây lắp.

+ Tích cực tham gia đóng góp cho các chương trình từ thiện xã hội tại các địa phương, địa bàn Công ty thi công xây dựng và thực hiện dự án.

+ Ưu tiên tuyển dụng nhân sự bổ sung tại các địa bàn Công ty thi công xây dựng và thực hiện dự án nhằm góp phần giải quyết việc làm cho người dân địa phương.

+ Đảm bảo tốt chế độ làm việc, lương thưởng và các chế độ chính sách cho người lao động.

+ Chia sẻ với cộng đồng và người nghèo bằng cách: tham gia các chương trình xã hội do địa phương, tổng công ty phát động; hằng năm xây dựng nhà tình thương cho người nghèo.

+ Khuyến khích nhân viên tham gia hiến máu nhân đạo hằng năm và làm công tác từ thiện, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn.

5. Các rủi ro: Không

II. Tình hình hoạt động trong năm

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐVT: triệu đồng

| STT | Một số chỉ tiêu chủ yếu | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch 2020 | Thực hiện năm 2020 | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch năm 2020 (%) | Tỷ lệ thực hiện năm 2020/năm 2019 (%) |
|-----|-------------------------|--------------------|---------------|--------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)/(4) | (7)=(5)/(3) |
| 1 | Doanh thu | 9.378 | 420.000 | 664.667 | 158,25% | 7.087,5% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | -19.621 | 20.000 | 88.374 | 441,87% | -450,4% |
| 3 | Nộp ngân sách | 8.845 | | 5.393 | | 60,97% |

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:
 - + Trần Ngọc Minh – Tổng Giám đốc
 - + Trần Minh Thuyết – Phó Tổng Giám đốc
- Những thay đổi trong ban điều hành: Có
 - + Ông Đào Nguyên Anh – Phó Tổng Giám đốc Công ty nghỉ việc. Bổ nhiệm ông Trần Minh Thuyết giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 70 người (không tính lao động thuê thời vụ).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Dự án Mở đá Tân Cang 4 (25,674 hécta):

Về công tác đền bù: Đã có quyết định bồi thường 24 ha, trong đó diện tích đã được Nhà nước giao đất là 24 ha; Còn hơn 1,6ha đã có quyết định bồi thường của UBND thành phố Biên Hòa và Công ty đã chi trả được 1,6 tỷ đồng.

Về công tác khai thác:

- Xây dựng cơ bản cơ bản đã thực hiện xong.
- Máy móc thiết bị hoàn thiện và đưa vào sử dụng 3 dây chuyền máy xay đá.
- Hoàn thành công tác bóc phủ và khai thác tầng 1 và một phần của tầng 2.
- Tổng khối lượng khai thác khoảng 600.000 tấn đá thành phẩm các loại.

3.2. Dự án Mở cát Đắc Lua (20 Km đường sông):

Năm 2020 khai thác được 4.500m³ cát.

3.3. Dự án trạm trộn BTN:

Trong năm 2020, trạm trộn bê tông nhựa nóng đã phân đấu đạt được sản lượng đột phá, hơn 64.000 tấn BTN. Tâm điểm là cung cấp BTN phục vụ thi công cho các dự án trọng điểm quốc gia như:

- Gói thầu xây lắp: “Thi công đường cát hạ cánh, đường lăn, hệ thống thoát nước, sơn kẻ tín hiệu và các công trình phụ trợ đồng bộ thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp đường cát hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” – Với tổng sản lượng đạt hơn 40.000 tấn

- Công trình “Nâng cấp đường D2 tại cảng Tân Cảng Cát Lái, phường Cát Lái, Q2, Tp.Hồ Chí Minh”- Với tổng sản lượng đạt hơn 10.000 tấn.

3.4. Khu đất văn phòng Công ty:

Đang tiếp tục thực hiện điều chỉnh pháp lý khu đất để triển khai dự án đầu tư Trung tâm

thương mại kết hợp văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp và hợp tác liên danh khai thác mặt bằng.

3.5. Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty:

Công ty đã thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 64.810.000.000 đồng lên thành 200.000.000.000 đồng.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Tăng (%) |
|-----------------------------------|-----------------|-------------------|----------|
| Tổng giá trị tài sản | 249.075.495.860 | 1.217.718.579.516 | 388,9% |
| Doanh thu thuần | 9.378.923.478 | 664.667.829.682 | 6.986,8% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -16.377.547.157 | 89.941.627.862 | |
| Lợi nhuận khác | -3.243.860.982 | -1.567.446.959 | |
| Lợi nhuận trước thuế | -19.621.408.139 | 88.374.180.903 | |
| Lợi nhuận sau thuế | -19.621.408.139 | 88.157.499.050 | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu/ Benchmarks | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | | | |
| Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn | 1,103 | 1,252 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | | | |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn | 1,098 | 1,050 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,974 | 0,789 | |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 38,529 | 3,749 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 8,942 | 6,778 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,038 | 0,546 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | -2,092 | 0,133 | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | -3,114 | 0,344 | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | -0,079 | 0,072 | |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh Doanh/Doanh thu thuần | -1,746 | 0,135 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu:

a/ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

b/ Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.2/ Tiêu thụ năng lượng:

a/ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tổng số lượng điện sử dụng cho văn phòng (gián tiếp) là 57.424 kW – tương đương 147.400.908 đồng.

- Tổng số lượng điện sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu đất KCN Biên Hòa 1 và Bến thủy nội địa là 312.857 kW – tương đương 903.682.853 đồng.

- Tổng số lượng điện sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu đất Mỏ đá Tân Cang 4 (bao gồm Trạm trộn BTN) là 1.944.502 kW – tương đương 3.031.786.228 đồng.

b/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c/ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3/ Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

a/ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nước cấp chủ yếu phục vụ sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên. Nguồn cấp nước từ các công ty cung cấp nước của địa phương đặt trụ sở văn phòng hoặc công trường thi công.

Tổng khối lượng nước tính đến hết năm 2020 là 1.897 m³ – tương đương 25.087.825 đồng.

b/ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4/ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Tổng số lao động đến nay là 70 người, mức lương trung bình đối với người lao động 7,5 triệu đồng/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: hằng năm Công ty khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tiền ăn giữa ca 25.000đ/người, trang cấp đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho người lao động, chi lương bổ sung (1,5 tháng lương thứ 13 cho người lao động).

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Công ty chú trọng đến công tác đào tạo, tập trung đào tạo tại chỗ cho người lao động, gửi người lao động đi đào tạo theo từng chuyên môn cho người lao động.

- Thường xuyên tìm kiếm việc làm ổn định cho người lao động để phát triển chuyên môn và sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, đóng góp quỹ đảm bảo an ninh khu vực nơi Công ty đặt trụ sở làm việc,...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020, Công ty đã từng bước đi vào hoạt động ổn định và đã đạt được một số kết quả như sau:

1./ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Nội dung | Th/hiện 2019 | K/hoạch 2020 | Th/hiện 2020 | (%) thực hiện/kế hoạch |
|-----|--|--------------|--------------|--------------|------------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 249.075 | | 1.217.718 | |
| 2 | Tổng Doanh thu và thu nhập khác | | | | |
| | + <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> | 9.378 | 420.000 | 664.667 | 158,25% |
| | + <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i> | 1.756 | 2.000 | 861 | 43,5% |
| | + <i>Thu nhập khác</i> | 1.146 | 2.000 | 3.421 | 171,05% |
| 3 | Tổng chi phí | | | | |
| | + <i>Giá vốn hàng bán</i> | 8.244 | 400.000 | 527.332 | 131,83% |
| | + <i>Chi phí tài chính</i> | 4.395 | 30.000 | 35.482 | 118,27% |
| | + <i>Chi phí bán hàng</i> | 512 | 2.000 | 701 | 35,05% |
| | + <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i> | 14.360 | 10.000 | 12.070 | 120,07% |
| | + <i>Chi phí khác</i> | 4.390 | 5.000 | 4.989 | 99,78% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | -19.621 | 20.000 | 88.374 | 441,87% |
| 5 | Thuế TNDN | - | 500 | 216 | 43,2% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | -19.621 | 19.500 | 88.157 | 452,09% |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của chủ sở hữu | 89,4% | | 1.399,1% | |
| 8 | Lãi cơ bản trên cổ phần (đồng/cổ phần) | -7.606 | | 13.009 | |

2./ Chi tiết tình hình một số lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

2.1/ Hoạt động thi công xây lắp:

- Thi công thăm BTNN công trình Great Kinhdom Giang Điền.
- Thi công bảo hành công trình Cầu Sông Buông.
- Thi công thăm BTNN khu tái định cư Sơn Tiên.
- Thi công thăm BTNN công trình đường vào Trung tâm hành chính huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- Thi công thăm BTNN Gói thầu xây lắp: “Thi công đường cát hạ cánh, đường lăn, hệ thống thoát nước, sơn kẻ tín hiệu và các công trình phụ trợ đồng bộ thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp đường cát hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” – Với tổng sản lượng đạt hơn 40.000 tấn Bê tông nhựa nóng.

2.2/ Thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm.

- Dự án Mỏ đá Tân Cang 4 (25,674 héc-ta):

Về công tác đền bù: Đã có quyết định bồi thường 24 ha, trong đó diện tích đã được Nhà nước giao đất là 24 ha; Còn hơn 1,6ha đã có quyết định bồi thường của UBND thành phố Biên Hòa và Công ty đã chi trả được 1,6 tỷ đồng.

Về công tác khai thác:

- Xây dựng cơ bản cơ bản đã thực hiện xong.
- Máy móc thiết bị hoàn thiện và đưa vào sử dụng 3 dây chuyền máy xay.
- Hoàn thành công tác bóc phủ và khai thác tầng 1 và 1 phần của tầng 2.
- Tổng khối lượng khai thác khoảng 600.000 tấn đá thành phẩm các loại.

3.2. Dự án Mỏ cát Đắc Lua (20 Km đường sông):

Năm 2020 khai thác được 4.500m³ cát.

3.3. Dự án trạm trộn BTN:

Trong năm 2020, trạm trộn bê tông nhựa nóng đã phấn đấu đạt được sản lượng đột phá, hơn 64.000 tấn BTN. Tâm điểm là cung cấp BTN phục vụ thi công cho các dự án trọng điểm quốc gia như:

- Gói thầu xây lắp: “Thi công đường cát hạ cánh, đường lăn, hệ thống thoát nước, sơn kẻ tín hiệu và các công trình phụ trợ đồng bộ thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp đường cát hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” – Với tổng sản lượng đạt hơn 40.000 tấn

- Công trình “Nâng cấp đường D2 tại cảng Tân Cảng Cát Lái, phường Cát Lái, Q2, Tp.Hồ Chí Minh”- Với tổng sản lượng đạt hơn 10.000 tấn.

3.4. Khu đất văn phòng Công ty:

Đang tiếp tục thực hiện điều chỉnh pháp lý khu đất để triển khai dự án đầu tư Trung tâm thương mại kết hợp văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp và hợp tác liên danh khai thác mặt bằng.

3.5. Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty:

Công ty đã thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 64.810.000.000 đồng lên thành 200.000.000.000 đồng.

3. Tình hình tài chính:

Một số chỉ tiêu tài chính trong năm 2020 như sau:

DVT: việt nam đồng

| | | | |
|------------|-------------------------------------|---|--------------------------|
| I. | Tổng tài sản | : | 1.217.718.579.516 |
| 1. | Tài sản ngắn hạn | : | 959.315.872.112 |
| a. | Tiền và các khoản tương đương tiền | : | 701.988.810 |
| b. | Các khoản phải thu ngắn hạn | : | 801.906.789.992 |
| c. | Hàng tồn kho | : | 154.764.484.328 |
| d. | Tài sản ngắn hạn khác | : | 1.442.608.982 |
| e. | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | : | 500.000.000 |
| 2. | Tài sản dài hạn | : | 258.402.707.404 |
| a. | Tài sản cố định | : | 6.566.188.798 |
| b. | Tài sản dài hạn khác | : | 90.366.931.249 |
| c. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | : | 5.007.000.000 |
| d. | Chi phí XDCB dở dang | : | 3.201.662.125 |
| e. | Các khoản phải thu dài hạn | : | 153.260.925.232 |
| f. | Bất động sản đầu tư | : | - |
| II. | Tổng nguồn vốn | : | 1.217.718.579.516 |

| | | | |
|-----------|----------------------------|---|------------------------|
| 1. | Nợ phải trả | : | 961.304.713.121 |
| a. | Nợ ngắn hạn | : | 766.076.713.121 |
| b. | Nợ dài hạn | : | 195.228.000.000 |
| 2. | Vốn chủ sở hữu | : | 256.413.866.395 |
| a. | Vốn đầu tư chủ sở hữu | : | 256.413.866.395 |
| b. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | : | - |

a) Tình hình tài sản:

Tổng giá trị tài sản tăng 80% tương đương khoản 123 tỷ do các khoản phải đầu tư vào mỏ đá Tân Cang 4 và các khoản phải thu khác tăng trong năm 2020.

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả trong năm tăng 48%, theo chỉ số tài chính của năm 2019, các khoản phải trả nhà nước và chi phí phải trả ngắn hạn công trình tăng lên (vay và nợ thuê tài chính tăng lên).

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: trong năm công ty đã kiện toàn bộ máy tổ chức, ra các quy định, nội quy quản lý Công ty, giải quyết chế độ chính sách cho CB.CNV.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

+ Đảm bảo mức tăng doanh thu hàng năm từ 15-20%.

+ Đảm bảo mức lợi nhuận hàng năm của Công ty từ 5% trở lên và mức chia cổ tức hàng năm từ 5-10%.

+ Đẩy mạnh đầu tư các dự án đặc biệt là các dự án gần hoàn tất thủ tục pháp lý và đầu tư xây dựng cơ bản để nhanh chóng tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

+ Nghiên cứu, tìm kiếm phát triển các dự án mới tạo ra nguồn doanh thu ổn định trong tương lai.

+ Tăng dần tỷ trọng doanh thu của các dự án trên tổng doanh thu của toàn Công ty.

+ Giảm dần tỷ lệ vốn vay bổ sung vốn lưu động trên doanh thu trong thi công xây dựng cơ bản từ nguồn thu từ các dự án mang lại.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...).

Công ty luôn quan tâm tuân thủ nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, luôn đặt vấn đề sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng, tài nguyên nước và giảm thiểu các phát thải các chất gây ô nhiễm lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: tạo điều kiện đủ công việc làm cho người lao động để đảm bảo thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2020, Ban lãnh đạo Công ty cùng các tổ chức đoàn thể, đảng bộ, công đoàn, đoàn thanh niên Công ty thực hiện đóng góp nuôi dưỡng 2 bà mẹ: Công ty hỗ trợ 14.600.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ đóng góp thực hiện các phong trào, chương trình tại các địa phương có công trình xây dựng và dự án của Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

Nhìn chung, Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Hội đồng quản trị. Kết quả cụ thể như sau:

a) Về điều hành sản xuất kinh doanh và thực hiện các dự án:

- Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện và đạt được kết quả như đã trình bày ở trên;
- Đã thực hiện rà soát, kiểm tra những máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển hư hỏng, hết niên hạn sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để thanh lý và đã trang bị mới, sửa chữa, nâng cấp những máy móc thiết bị đang sử dụng để nâng cao hiệu suất sử dụng;
- Tiếp tục điều chỉnh định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe công vụ, khoán xăng công tác cho CB-NV và khoán chi phí điện thoại... để tiết kiệm chi phí quản lý;
- Rà soát, điều chỉnh mức khoán theo từng công trình.

b) Về công tác tổ chức nhân sự - Bộ máy hoạt động của Công ty.

- Thực hiện chương trình tái cấu trúc Công ty, về tổ chức, nhân sự và nâng cao năng lực sản xuất đã thực hiện các nội dung sau:

- + Sắp xếp lại các phòng/ ban chuyên môn cho phù hợp với điều kiện thực tế;
- + Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống quản lý tổng thể, bao gồm việc thiết lập và xem xét điều chỉnh nội quy, các quy chế, quy định, thủ tục, biểu mẫu ...
- + Duy trì họp giao ban hàng tháng (Ban Tổng giám đốc, các trưởng, phó phòng/ban/đội thi công);
- + Công tác phát triển nguồn nhân lực: tổ chức đào tạo cho CB.CNV học lớp về ATVSLĐ và các chuyên môn khác;

- Tổng số lao động của công ty đến ngày 31/12/2020 là 70 người (16 nữ); Trong đó:

- + Trình độ Cao học : 03 người,
- + Trình độ Đại học : 34 người,
- + Trình độ Cao đẳng : 02 người,
- + Trình độ Trung cấp : 4 người,
- + Công nhân kỹ thuật : 27 người,

- Các tổ chức chính trị, đoàn thể đều được tạo điều kiện hoạt động theo quy định.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

- + Đảm bảo mức tăng doanh thu hàng năm từ 10-15%.
- + Đảm bảo mức lợi nhuận hàng năm của Công ty từ 5% trở lên và mức chia cổ tức hàng năm từ 10-15%.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. *Hội đồng quản trị:*

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Số lượng 5 người

- Thành viên:

+ Ông Nguyễn Lâm Tùng, Chủ tịch

+ Ông Phan Cao Minh, Phó Chủ tịch

+ Ông Trần Ngọc Minh, Phó Chủ tịch

+ Ông Phạm Trần Ái Trung, Thành viên

+ Ông Phạm Văn Đạo, Thành viên

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị tổ chức 13 cuộc họp định kỳ như sau:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày họp | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------------------|--------------------|--|--------------------|
| 1 | Quyết định số: 04/QĐ | 02/01/2020 | Thay đổi vốn điều lệ: tăng vốn 40.000.000.000 đồng. | 100% |
| 2 | Nghị quyết số: 01/NQ-HĐQT | 08/01/2020 | - Thông qua việc chỉnh sửa lần 1 Bản Công bố thông tin ban hành ngày 04/12/2019 và các Điều khoản và điều kiện của Trái phiếu. - Các nội dung khác về Phương án phát hành Trái phiếu năm 2019 trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 02/12/2019 không thay đổi | 100% |
| 3 | Quyết định số: 16/QĐ-HĐQT | K có ngày tháng | Phê duyệt Dự án Đầu tư Mỏ đá Xây dựng Tân Càng 4 tại xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai. | 100% |
| 4 | Nghị quyết số: 18/NQ-HĐQT | 16/03/2020 | Thông qua ngày chốt danh sách và kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai. | 100% |
| 5 | Nghị quyết số: 21/HĐQT | 29/04/2020 | Bầu cử các chức danh: - Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Lâm Tùng - Phó Chủ tịch HĐQT thường trực: Ông Phan Cao Minh - Phó Chủ tịch HĐQT: Ông Trần Ngọc Minh | 100% |
| 6 | Nghị quyết số: 24/QĐ-CTGT- HĐQT | 01/06/2020 | Thành lập 2 Công ty con: 1. Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh vật liệu xây dựng DGT 2. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp DGT | 100% |
| 7 | 24B/NQ-HĐQT | 20/06/2020 | Thành lập Ban thanh lý tài sản và xử lý công nợ của Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai. | 100% |
| 8 | Nghị quyết số: 27/NQ-HĐQT | 07/07/2020 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. | 100% |
| 9 | Nghị quyết số: 29/NQ-HĐQT | 08/07/2020 | Phát hành CP riêng lẻ tăng vốn điều lệ | 100% |

| | | | | |
|----|----------------------------|------------|--|------|
| 10 | 31/NQ-HDQT | 08/07/2020 | Thông qua ngày chốt danh sách, thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ Bất thường năm 2020 | 100% |
| 11 | Nghị quyết số: 45/NQ-HDQT | 08/09/2020 | - Thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 44/NQ-ĐHĐCĐBT-2020 ngày 28/08/2020 về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty và danh sách nhà đầu tư chiến lược - Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ. | 100% |
| 12 | Nghị quyết số: 50A/NQ-HDQT | 12/11/2020 | Thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng vốn tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung vốn lưu động theo phương án sử dụng vốn đã được thông qua tại nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 44/NQ-ĐHĐCĐBT-2020 ngày 28/08/2020 và nghị quyết số 45/NQ-HDQT ngày 08/09/2020. | 100% |
| 13 | Nghị quyết 62A/NQ-HDQT | 25/12/2020 | - Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo phương án tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 44/NQ-ĐHĐCĐBT-2020 ngày 28/08/2020. - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai về thay đổi vốn điều lệ - Thông qua việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam với số lượng chứng khoán đăng ký bổ sung là 13.519.000 cổ phiếu. - Thông qua việc thay đổi đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.Hà Nội với số lượng chứng khoán thay đổi tăng lên: 13.519.000 cổ phiếu. | 100% |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp. Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

1. Cơ cấu Ban Kiểm soát:

- Số lượng thành viên: 3 thành viên, gồm:

- Thành viên:

+ Bà Vũ Thị Thanh Thủy, Trưởng ban

+ Bà Trịnh Thị Thùy Dung, Thành viên

+ Bà Bùi Thị Thúy Minh, Thành viên

- Hoạt động của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát theo chế độ trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban Kiểm soát, họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:

- Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 7.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng;

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI – CHI NHÁNH SÀI GÒN

- Ý kiến của kiểm toán trong báo cáo tài chính năm 2020:

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai được đăng đầy đủ trên website của Công ty <http://www.dgtc.vn>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Minh

